| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH NAM ĐỊNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 58/2025/DS-PT
Ngày: 10 - 6 - 2025
V/v: Tranh chấp chia di sản thừa kế.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Công

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Tiến Dũng

Ông Lại Văn Tùng

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trịnh Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa***: Bà Đặng Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2024/TLPT- DS ngày 01/11/2024 về việc "*Tranh chấp chia di sản thừa kế*" do Bản án sơ thẩm số: 35/2024/DS-ST ngày 17/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2025/QĐXXPT-DS ngày 05/5/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị R, sinh năm 1959, nơi cư trú: Xóm N, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định. (Có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà R*: Bà Trần Thị T - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh N. (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn L, sinh năm 1955; nơi cư trú: Xóm N, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định. (Có mặt).

*Đại diện theo ủy quyền của ông L*: Ông Ngô Thành B, sinh năm 1977; nơi cư trú: CH316, N03 E, phường Đ, quận B, Thành phố Hà Nội. (Có mặt).

*Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Văn T1, sinh năm 1950; nơi cư trú: 4 P, phường T, thành phố

V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Có mặt)

2. Bà Trần Thị T2, sinh năm 1943; nơi cư trú: nơi cư trú: Xóm N, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt).

*Đại diện theo ủy quyền của bà T2*: Bà Trần Thị R, sinh năm 1959; nơi cư trú: Xóm N, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định. (Có mặt).

3. Bà Trần Thị K, sinh năm 1934; nơi cư trú: Xóm P, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt).

*Những người làm chứng:*

1 .Ông Trần Thế C; trú tại: Xóm N, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định. (nguyên đội trưởng đội sản xuất xóm N, nay là xóm N, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định. (vắng mặt)

2. Ông Trần Quang C1; trú tại: Xóm N, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định. (nguyên là trưởng xóm N, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định. (vắng mặt)

3. Ông Trần Văn T3; trú tại: Xóm I, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định. (vắng mặt)

*Người kháng cáo*: Ông Trần Văn L là bị đơn.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải, nguyên đơn là bà Trần Thị R trình bày:

Bố mẹ bà là cụ Trần Văn P chết ngày 23 tháng 07 năm 1999 âm lịch (tức ngày 02/9/1999 dương lịch) và cụ Hoàng Thị N, (chết năm 1967). Bố mẹ bà sinh được 05 người con gồm: Trần Thị K; Trần Thị T2; Trần Văn T1; Trần Văn L và bà là Trần Thị R ngoài ra không có con riêng, con nuôi nào khác. Năm anh em bà khi lớn lên có ông T1, ông L, bà K đi xây dựng gia đình ra ở riêng còn lại bà và bà T2 không đi lấy chồng ở nhà với bố.

Quá trình chung sống bố mẹ bà có tạo lập được một khối tài sản chung là 03 gian nhà tranh vách đất và 3 gian bếp đất trên thửa đất số 998, tờ bản đồ số 2PL4 diện tích 980 $m^2$, (gồm 350$m^2$ đất ở, 630$m^2$ đất ao) tại xóm N, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định. Năm 1990, bà và bà T2 đã góp tiền cùng với bố xây dựng lại ngôi nhà, tường bao và xây dựng thêm một ngôi từ đường nhỏ để thờ cúng tổ tiên. Hiện nay, nhà và ngôi từ đường vẫn còn.

Năm 1995, Ủy ban nhân dân huyện T (huyện N cũ) đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 998, tờ bản đồ 2PL4, diện tích 980$m^2$, (gồm 350$m^2$ đất ở, 630$m^2$ đất ao) mang tên hộ ông Trần Văn P. Năm 1999, bố bà đã

cao tuổi, lo sợ sau khi chết anh em sẽ tranh giành tài sản nên đã lập di chúc phân chia tài sản nhà đất cho các con. Nội dung bản di chúc bố bà đã phân chia khối tài sản là nhà đất cho các con được thừa kế như sau:

- Người con gái cả (bà K) đi lấy chồng thì không được chia gì cả.

- Người con trai cả (ông Trần Văn T1) lấy vợ ở Quảng Bình sau này có về được quyền sử dụng một cái ao 630m$^2$ để thờ cúng và 175m$^2$ đất thổ cư để làm nhà ở.

- Người con trai thứ (ông L) sau khi lấy vợ đã được bố mua cho một phần đất của em trai (ông chú) đi công nhân, diện tích là 180m$^2$ (trên có 03 gian nhà đất, 2 gian bếp đất, 1 sân gạch) và một mảnh vườn 160 m$^2$, tổng diện tích là 340m$^2$.

- Đối với 350m$^2$ đất thổ cư và một ngôi từ đường, 04 gian nhà, 03 gian bếp, tường hoa là do hai cô con gái làm lên, sau này hai cô con gái được hưởng, không ai có quyền tranh giành.

Sau khi bố bà cụ Trần Văn P chết, ngày 23 tháng 08 năm 1999 (âm lịch), anh em gia đình nội tộc đã tiến hành họp để phân chia di sản thừa kế theo di chúc của cụ Trần Văn P để lại. Tham gia cuộc họp có đại diện anh em, con cháu trong gia tộc gồm: Ông Trần Sỹ C2 (em trai cụ P), ông Trần Quang C1 (Trưởng xóm), ông Trần Thế C (Đội trưởng), cháu Vũ Nam H (cháu ngoại - con bà K) và bốn anh em, ông T1, ông L, bà T2 và là R. Theo biên bản họp gia tộc, anh em đều thống nhất việc phân chia tài sản như bản di chúc của cụ Trần Văn P để lại không ai có ý kiến thắc mắc gì. Tuy nhiên, nội dung biên bản phân chia có sự thay đổi như sau:

- Đối với 350m$^2$ đất thổ cư trên có một ngôi nhà (ba gian lợp ngói + một gian mãi bằng) và một ngôi bếp ba gian được giao thừa kế cho các con Trần Văn T1, Trần Thị T2, Trần Thị R, giao ông T1 có trách nhiệm chung;

- Ngôi từ đường dùng thờ cúng chung giao cho ông Trần Văn L, các con cháu trong họ có quyền đến thờ cúng tổ tiên;

- Thửa đất 175m$^2$(cạnh đất thổ cư nhà ông L) giao cho ông Trần Văn T1 sử dụng.

- Diện tích ao thả cá 630m$^2$ giao cho ông Trần Văn T1.

- Riêng ông L được hưởng và sử dụng các mạnh đất đã được đứng tên trên bản đồ địa chính.

Biên bản họp đã được tất cả anh em con, cháu, nội ngoại trong gia đình, tham gia họp nhất trí ký tên, có sự chứng kiến và xác nhận của ông T4 xóm, ông đội trưởng đội sản xuất và đã được UBND xã V xác nhận. Từ đó đến nay, bà và bà T2 vẫn ở tại ngôi nhà cấp 4, quản lý sử dụng toàn bộ thửa đất 998 của bố mẹ

để lại. Ông T1 ở trong miền N, thi thoảng mới về quê. Ông L sinh sống trên thửa đất của bố mẹ đã cho. Đối với thửa đất 175m$^2$ theo biên bản họp gia đình giao cho ông T1 vẫn mang tên bà nhưng thực tế ông L đã lấn chiếm xây dựng nhà để ở.

Năm 2024 nhà nước xây dựng tuyến đường bộ ven biển Nam Định - L. Thửa đất 998 thuộc diện giải tỏa để làm đường, Hội đồng bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng huyện T tiến hành bồi thường giải tỏa đối với thửa đất 998 theo quy định của pháp Luật. Ông L không được chia thừa kế đối với thửa đất này nhưng vẫn đòi hưởng tiền đền bù. Vì vậy anh em trong gia đình xảy ra mâu thuẫn không thống nhất được về việc nhận tiền đền bù của của Hội đồng bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng chi trả. Ủy ban nhân dân xã V đã tổ chức hòa giải nhiều lần nhưng không thành.

Vì vậy bà làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh giải quyết phân chia di sản thừa kế của bố mẹ theo di chúc và biên họp họp gia đình nội tộc. Công nhận bà, bà T2 và ông T1 được quyền thửa kế thửa đất 998, tờ bản đồ 2PL4, diện tích 980m$^2$, (gồm 350m$^2$ đất ở, 630m$^2$ đất ao) theo nội dung di chúc của bố bà - cụ Trần Văn P để lại và được nhận tiền bồi thường, hỗ trợ tái định cự do Hội đồng BTHT và TĐC giải phóng mặt bằng dự án xây dựng tuyến đường mới Nam Định - L - Đường bộ ven biển huyện T chi trả.

*Tại các bản tự khai, biên bản hoà giải, bị đơn là ông Trần Văn L và người đại diện theo ủy quyền có ý kiến trình bày:*

Về quan hệ gia đình ông đồng ý với ý kiến của bà R đã trình bày. Đối với yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của bà R thì ông không đồng ý vì các lý do sau:

Từ ngày bố ông cụ Trần Văn P chết đến nay, ông chưa nhìn thấy tờ di chúc nào của bố để lại. Ông cũng không biết và không tham gia cuộc họp gia đình nội tộc để phân chia tài sản của bố mẹ để lại. Cho đến thời điểm này, ông mới thấy được tờ giấy di chúc rách nát nhiều phần, không còn nguyên vẹn. Vì vậy ông không chấp nhận bản di chúc cũng như biên bản họp gia đình nội tộc.

Hiện tại ông là con trai duy nhất ở nhà có trách nhiệm thờ cúng tổ tiên và giữ đất cho con cháu thế hệ sau. Hai bà con gái là bà T2 và bà R không lập gia đình và không có con thì không đủ khả năng để thờ cúng tổ tiên sau này. Ông T1 đi xa quê hương gần 50 năm và hiện tại đang sinh sống tại Vũng Tàu rất ít khi về quê. Vì vậy, quan điểm của ông về việc phân chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại là thửa đất 998 như sau :

- Nhà nước đã đền bù 400 m$^2$ đất tái định cư thì sẽ chia đều cho 4 người con bao gồm ông T1, bà T2, bà R và ông (L) mỗi người là 100 m$^2$.

- Bà R và bà T2 sẽ được hưởng số tiền đền bù bao gồm ngôi nhà của bố để lại và công trình phụ, cây cối hoa màu trên đất.

- Sau khi trừ hết số tiền phân chia trên thì số tiền còn lại sẽ chia đều cho 5 người con bao gồm bà K, bà R, bà T2, ông T1 và ông (L3).

Đối với thửa đất 1005 diện tích 175m$^2$, ông đã sử dụng từ ngày bố còn sống và ông cũng không được biết tại sao thửa đất 1005 lại đứng tên bà R. Năm 2022 gia đình ông xây ngôi nhà mới tại thửa đất 1005, trong quá trình xây nhà bà R ở gần nhà ông nhưng không có ý kiến gì. Ông đề nghị Tòa án xem xét tách việc giải quyết thửa đất 1005 ra vụ án khác.

*Tại các bản tự khai, biên bản hoà giải, người có quyền và nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn T1 trình bày:*

Ông nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà R. Ông xác nhận về thành phần gia đình, di sản thừa kế mà bố ông để lại là thửa đất 998 và di chúc của bố ông để lại có nội dung như bà R trình bày. Sau khi bố mất, gia đình ông đã họp nội tộc để phân chia tài sản theo di chúc bố để lại. Trong buổi họp có mặt ông Trần Sĩ T5 là chú ruột; ông Trần Văn C3 là bí thư chi bộ xóm, ông Trần Thế C là đội trưởng đội sản xuất; ông Trần Văn C4, ông Trần Đức C5 là cháu ông P, ông Vũ Mạnh H1 là cháu ngoại (con trai của bà K) và 04 người con gồm ông T1, ông L, bà T2, bà R. Cháu Vũ Mạnh H1 làm thư ký cuộc họp ghi biên bản. Buổi họp gia đình đều nhất trí với nội dung bản di chúc của bố để lại. Cụ thể: Phần đất thổ cư, đất ao đều chia cho ông, bà T2 và bà R. Bà K và ông L không được hưởng thừa kế theo di chúc. Ông đề nghị Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế theo di chúc của bố ông để lại và biên bản họp gia đình nội tộc.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại UBND xã V và Hội đồng BTHT và TĐC giải phóng mặt bằng dự án xây dựng tuyến đường mới Nam Định - L - Đường bộ ven biển. Kết quả như sau:

** Theo cung cấp của UBND xã V:*

- *Về thành phần gia đình cụ Trần Văn P*: Cụ Trần Văn P và cụ Hoàng Thị N có 05 người con gồm bà Trần Thị K, ông Trần Văn T1, ông Trần Văn L, bà Trần Thị T2, bà Trần Thị R. Cụ P và cụ N không có con riêng, con nuôi nào khác.

Bà Trần Thị K là công dân đang sinh sống tại xóm P, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định. Bà K có 05 người con là ông H1, ông T6, ông L1, bà H2 ( 04 người này đều cư trú tại xã V) và 01 người con gái đi lấy chồng tại xã L, huyện T, tỉnh Nam Định.

- *Về nguồn gốc thửa đất 998 của hộ cụ Trần Văn P*:

Tại bản đồ địa chính lập năm 1985 (bản đồ 299), cụ Trần Văn P sử dụng 04 thửa đất gồm: Thửa 113 tờ bản đồ số 2, diện tích 80m$^2$ đất trồng lúa; thửa 114, tờ bản đồ số 2 diện tích 290m$^2$ đất ở; thửa 118 tờ bản đồ số 2, diện tích

820m$^2$ đất ao; thửa 119 tờ bản đồ số 2 diện tích 50m$^2$ đất vườn.

Tại bản đồ địa chính lập năm 1991, chỉnh lý năm 1996 thì hộ cụ Trần Văn P sử dụng thửa đất 998 tờ bản đồ số 2 PL4, diện tích 980m$^2$ trong đó 350m$^2$ đất ở, 630m$^2$ đất ao. Thửa đất 998 này có nguồn gốc từ thửa đất 118 tờ bản đồ số 2, bản đồ 299. Ngày 25/04/1995, cụ Trần Văn P đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 998.

- *Đối với 02 văn bản gồm "Biên bản họp gia đình nội tộc" ngày 23/08/1999 và "Lời trình bày lời di chúc để lại" của cụ Trần Văn P*: Theo yêu cầu chứng thực của bà Trần Thị R khi khởi kiện, UBND xã V đã thực hiện các quy trình chứng thực đối với 02 văn bản "Biên bản họp gia đình nội tộc" ngày 23/08/1999 và "Lời trình bày lời di chúc để lại" theo đúng quy định pháp luật và có lưu trữ trên hồ sơ điện tử.

- *Ý kiến của UBND xã V về việc giải quyết vụ án chia di sản thừa kế giữa nguyên đơn là bà Trần Thị R và bị đơn là ông Trần Văn L*: Hiện tại, thửa đất số 998 của gia đình cụ P đã thu hồi gần hết, hiện trạng sử dụng chỉ còn khoảng 100m$^2$ cùng ngôi nhà mái ngói đã xuống cấp nghiêm trọng bà R và bà T2 đang tạm thời sử dụng. Tuy nhiên đến trước ngày 30/06/2024, diện tích này sẽ bị thu hồi để làm đường theo quy định. Bà R và bà T2 đều nhất trí phối hợp giao lại mặt bằng để làm đường. Bà R và bà T2 là người già neo đơn tại địa phương. Hai bà chưa được nhận tiền đền bù giải phóng mặt bằng nên chưa thu xếp được chỗ ở để ổn định cuộc sống. Chính quyền địa phương đề nghị Tòa án đẩy nhanh tiến độ giải quyết vụ án và cử đại diện gia đình cụ Trần Văn P nhận số tiền đền bù giải phóng mặt bằng để giải tỏa số tiền đền bù. Đồng thời yêu cầu đại diện nhận tiền đền bù phải cam kết khi nào Tòa án có quyết định giải quyết cuối cùng thì phải có trách nhiệm trả tiền đền bù cho những người được nhận tiền đến bù giải phóng mặt bằng của hộ cụ Trần Văn P theo quy định pháp luật.

** Ý kiến của Hội đồng BTHT và TĐC giải phóng mặt bằng dự án xây dựng tuyến đường mới Nam Định - L - Đường bộ ven biển huyện T.*

Căn cứ vào Quyết định số 5034/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện T ngày 26/12/2023 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án xây dựng tuyến đường bộ mới Nam Định - L - Đường bộ ven biển (đợt 7) đoạn qua xã V, huyện T thì thửa đất thửa 998 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Trần Văn P thuộc diện được nhận tiền bồi thường GPMB và hỗ trợ TĐC. Tuy nhiên, các thành viên trong gia đình hộ cụ Trần Văn P không thoả thuận thống nhất được việc nhận các khoản tiền bồi thường GPMB và hỗ trợ TĐC theo quy định pháp luật nên hiện tại các khoản tiền này vẫn chưa được chi trả. Đại diện Hội đồng BTHT và TĐC giải phóng mặt bằng dự án xây dựng tuyến đường mới Nam Định - L - Đường bộ ven biển đề nghị Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh có phương án giải quyết giúp Hội đồng giải phóng mặt bằng sớm chi trả khoản tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB đối với thửa 998, đảm bảo tiến độ xây dựng tuyến đường bộ mới Nam Định - L - Đường bộ ven biển.

Qua trình giải quyết vụ án, căn cứ vào đơn đề nghị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, văn bản cam kết của ông Trần Văn T1, bà Trần Thị R và ý kiến đề nghị của UBND xã V và của Hội đồng BTHT và TĐC giải phóng mặt bằng dự án xây dựng tuyến đường mới Nam Định - L - Đường bộ ven biển; Ngày 15/7/2024, TAND huyện Trực Ninh đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2024/QĐ - BPBĐ với nội dung:

- Yêu cầu Hội đồng BTHT và TĐC giải phóng mặt bằng - Dự án: Xây dựng tuyến đường mới Nam Định - L - Đường bộ ven biển huyện T chi trả số tiền bồi thường, hỗ trợ do bị thu hồi đất và tài sản trên đất đối với thửa đất số 998, tờ bản đồ 2PL4, diện tích 980m2, tại xóm N, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định cho bà Trần Thị R, bà Trần Thị T2, ông Trần Văn T1 theo phương án bồi thường hỗ trợ đã được phê duyệt.

- Bà Trần Thị R, bà Trần Thị T2, ông Trần Văn T1 được nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ do Hội đồng BTHT và TĐC giải phóng mặt bằng - Dự án: Xây dựng tuyến đường mới Nam Định - L - Đường bộ ven biển chi trả theo phương án đã được phê duyệt. Bà Trần Thị R, bà Trần Thị T2, ông Trần Văn T1 có trách nhiệm thanh toán cho ông Trần Văn L, bà Trần Thị Kim S tiền được nhận nếu ông Trần Văn L, bà Trần Thị K được nhận theo quyết định của Tòa án sau khi giải quyết vụ án này theo quy định pháp luật.

Sau khi có Quyết định Áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án, Hội đồng BTHT và TĐC giải phóng mặt bằng - Dự án: Xây dựng tuyến đường mới Nam Định - L - Đường bộ ven biển huyện T đã chi trả số tiền bồi thường cho bà R, bà T2 và ông T1 được nhận theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án.

Từ nội dung vụ án như trên, bản án số: 35/2024/DS-ST ngày 17/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 624, Điều 626, Điều 627, Điều 628, Điều 630, Điều 643, Điều 649 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của bà Trần Thị R đối với di sản của cụ Trần Văn P để lại là thửa đất 998, tờ bản đồ số 2PL4 diện tích 980 $m^2$, (trong đó 350$m^2$ đất ở, 630$m^2$ đất ao) và tài sản trên đất tại xóm N, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định.

2. Xác nhận di chúc của cụ Trần Văn P lập ngày 23/08/1999 là di chúc hợp pháp. Bà Trần Thị R, bà Trần Thị T2, ông Trần Văn T1 là người được thừa kế di sản theo di chúc của cụ Trần Văn P để lại.

- Bà Trần Thị R và bà Trần Thị T2 được thừa kế quyền sử dụng 350m$^2$ đất ở, tại thửa đất số 998, tờ bản đồ số 2PL4 xã V, huyện T, tỉnh Nam Định và tài sản trên đất (gồm các công trình xây dựng trên đất, hoa màu, cây trồng trên đất).

- Ông Trần Văn T1 được thừa kế quyền sử dụng 630m$^2$ đất ao, tại thửa đất số 998, tờ bản đồ số 2PL4 xã V, huyện T, tỉnh Nam Định.

- Ông Trần Văn L, bà Trần Thị K không được hưởng thừa kế tài sản của cụ Trần Văn P theo di chúc.

3. Bà Trần Thị R, bà Trần Thị T2, ông Trần Văn T1 đươc nhận tiền bồi thường hỗ trợ GPMB theo phương án bồi thường hỗ trợ GPMB về đất đai, tài sản, vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi là thủy sản trên đất do Hội đồng BTHT và TĐC giải phóng mặt bằng - Dự án: Xây dựng tuyến đường mới Nam Định - L - Đường bộ ven biển huyện T chi trả theo phần thừa kế được hưởng theo di chúc.

Bà R, bà T2, ông T1 đã Nhận tiền bồi thường do Hội đồng BTHT và TĐC giải phóng mặt bằng - Dự án: Xây dựng tuyến đường mới Nam Định - L - Đường bộ ven biển huyện T chi trả đối với phần thừa kế được hưởng theo di chúc của cụ Trần Văn P để lại.

4. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Trần Thị R, bà Trần Thị T2 và ông Trần Văn T1 có trách nhiệm liên hệ với Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư giải phóng mặt bằng huyện T, tỉnh Nam Định để làm thủ tục nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB về đất đai, tài sản, vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi là thủy sản đối với thửa đất số 998, tờ bản đồ số 2PL4 xã V, huyện T, tỉnh Nam Định.

5. Về án phí: Bà Trần Thị R, bà Trần Thị T2 và ông Trần Văn T1 không phải nộp án phí do là người cao tuổi và có đơn xin miễn giảm án phí.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 30/9/2024, ông Trần Văn L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các đương sự không thoả thuận được việc giải quyết vụ án và giữ nguyên lời trình bày như đã nêu trên.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Tại giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyền lợi tố tụng của đương sự được bảo đảm. Về nội dung giải quyết vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Trần Văn L được làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 272; khoản 1 Điều 273; Điều 276 BLTTDS nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự tố tụng phúc thẩm.

[1.1] Về việc vắng mặt của bà Trần Thị Kim L2 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng bà K vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ quy định Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[1.2] Bà Trần Thị R khởi kiện chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 998, tờ bản đồ 2PL4, diện tích 980m$^2$, trong đó 350m$^2$ đất ở, 630m$^2$ đất ao tại xã V, huyện T, tỉnh Nam Định. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 39 BLTTDS, Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định thụ lý giải quyết và xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "*Tranh chấp chia di sản thừa kế*" là đúng pháp luật.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, bảo đảm được quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự.

[2.2] Về xác định khối di sản của cụ P để lại thừa kế: cụ Trần Văn P và cụ Hoàng Thị N qua trình chung sống với nhau có tạo lập được khối tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất số 998, tờ bản đồ 2PL4, diện tích 980m$^2$, trong đó 350m$^2$ đất ở, 630m$^2$ ao và tài sản trên đất gồm 03 gian nhà tranh vách đất và 3 gian bếp tại xóm N, (nay là xóm N) xã V, huyện T, tỉnh Nam Định. Cụ Hoàng Thị N chết năm 1967, không để lại di chúc. Sau khi cụ N chết, cụ P cùng bà R, bà T2 là người trực tiếp quản lý và sử dụng thửa đất 998 và có xây sửa lại ngôi nhà ba gian và xây thêm một ngôi từ đường, xây tường hoa... Năm 1995, UBND huyện T đã cấp GCNQSD đất đối với thửa 998 mang tên hộ cụ Trần Văn P. Căn cứ khoản 1 Điều 623 BLDS, quy định về thời hiệu thừa kế: Xét thấy thửa đất 998 và tài sản trên đất là tài sản chung của cụ P và cụ N. Cụ N chết năm 1967, không có di chúc để lại. Vì vậy, di sản của cụ N là ½ thửa đất 998 đến nay đã hết thời hiệu khởi kiện sẽ thuộc quyền sở hữu và sử dụng của người đang quản lý di sản. Do đó khối di sản của cụ P để lại được xác định là toàn bộ quyền sử dụng thửa đất 998, tờ bản đồ 2PL4, diện tích 980m$^2$, (trong đó 350m$^2$ đất ở, 630m$^2$ ao) và tài sản trên đất gồm: một ngôi nhà 04 gian (có một gian mái bằng), 3 gian bếp, một ngôi từ đường, tại xã V, huyện T, tỉnh Nam Định.

[2.3] Về di chúc của cụ Trần Văn P do nguyên đơn giao nộp: Di chúc được lập thành văn bản khi cụ Trần Văn P hoàn toàn minh mẫn, nội dung di chúc đã thể hiện rõ ý chí, nguyện vọng của cụ P về việc phân chia di sản của cụ cho những người được thừa kế. Sau khi lập di chúc, cụ P đã mời ông Trần Quang C1 - trưởng xóm N và ông Trần Thế C - đội trưởng đội sản xuất ký xác nhận là người làm chứng. Sau đó cụ P đã đến UBND xã V xin chứng thực di chúc. Sau khi cụ P chết, ngày 23 tháng 08 năm 1999, anh em gia đình nội tộc đã tiến hành họp để phân chia di sản thừa kế theo di chúc của cụ Trần Văn P để lại. Tham gia cuộc họp có mặt đầy đủ anh em trong gia đình có sự chứng kiến của Trưởng thôn, đội trưởng các thành viên tham gia họp đều ký biên bản họp, không ai có ý kiến khiếu nại hay thắc mắc gì về di chúc của cụ P, biên bản cuộc họp đã được UBND xã V chứng thực. Vì vậy di chúc của cụ Trần Văn P lập ngày 30/06/1999 là di chúc hợp pháp theo đúng quy định tại Điều 630 BLDS năm 2015.

[2.4] Về việc chia thừa kế theo di chúc: Các đương sự đều thống nhất cụ P chết ngày 23/7/1999 (âm lịch) nhằm ngày 02/9/1999 (dương lịch). Như vậy thời điểm phát sinh hiệu lực của di chúc là thời điểm cụ P chết. Theo nội dung di chúc của cụ Trần Văn P lập ngày 30/06/1999 thì di sản của cụ để lại là quyền sử dụng thửa đất 998 tờ bản đồ 2PL4, diện tích 980m$^2$, trong đó 350m$^2$ đất ở, 630m$^2$ ao và tài sản trên đất gồm: một ngôi nhà 04 gian (một gian mái bằng), 3 gian bếp một ngôi từ đường tại xã X, V, huyện T, tỉnh Nam Định được chia cho ba người con con là ông Trần Văn T1 được quyền sử dụng 630m$^2$ đất ao; bà Trần Thị R và bà Trần Thị T2 được quyền sử dụng 350m$^2$ đất ở và tài sản gắn liền với đất. Ông Trần Văn L và bà Trần Thị K không được hưởng di sản thừa kế. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị R là có căn cứ được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là đúng pháp luật.

[2.5] Đến nay thửa đất 998 bị thu hồi, giải tỏa để làm đường bà R, bà T2, ông T1 là những người được hưởng thừa kế theo di chúc của cụ. Vì vậy bà R, bà T2, ông T1 đã được nhận số tiền bồi thường. Cụ thể như sau: Bà R, bà T2 được nhận số tiền bồi thường 350m$^2$ đất ở và tài sản, hoa màu trên đất và chế độ hỗ trợ tái định cư khi bị thu hồi đất; ông T1 đươc nhận tiền bồi thường 630m$^2$ đất ao theo phương án bồi thường hỗ trợ GPMB về đất đai, tài sản, vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi trên đất của Hội đồng BTHT và TĐC giải phóng mặt bằng - Dự án: Xây dựng tuyến đường mới Nam Định - L - Đường bộ ven biển huyện T chi trả.

[2.6] Đối với quan điểm của ông Trần Văn L, cho rằng ông không biết có di chúc của cụ P để lại, ông không tham gia họp gia đình gia tộc về việc phân chia di sản theo di chúc của P để lại là không có căn cứ. Vì cụ Trần Văn P lập di chúc hoàn toàn công khai, sau khi lập di chúc cụ đã xin xác nhận của trưởng xóm, đội trưởng đội sản xuất và xin chứng thực của UBND xã V. Sau khi cụ P chết gia đình nội tộc đã họp để phân chia di sản của cụ P theo di chúc. Trong buổi họp có mặt ông Trần Sĩ T5 là chú ruột, ông Trần Văn C3 là bí thư chi bộ xóm, ông Trần Thế C là đội trưởng đội sản xuất, ông Trần Văn C4, ông Trần

Đức C5 là cháu ông P, ông Vũ Mạnh H1 là cháu ngoại (con trai của bà K) và 04 người con gồm ông T1, ông L, bà T2, bà R. Cháu Vũ Mạnh H1 làm thư ký cuộc họp ghi biên bản. Đến nay ông Trần Thế C, anh Vũ Nam H, ông T1, bà R đều xác nhận ông L có tham gia buổi họp và có ký trong biên bản họp. Biên bản họp gia đình nội tộc đã được UBND xã V chứng thực. Theo nội dung di chúc của cụ P để lại ông L cũng như nội dung biên bản họp gia đình nội tộc thì ông L không phải là người được hưởng di sản của cụ P để lại theo di chúc. Ông L đã được cụ P khi còn sống cho riêng một thửa đất mua của ông chú. Gia đình ông L đã ra ở riêng trên thửa đất này từ khi cụ P còn sống cho đến nay. Vì vậy quan điểm của ông L về việc phân chia di sản của cụ P để lại theo pháp luật không được Tòa án cấp sơ thẩm được chấp nhận là có cơ sở.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị R, bà Trần Thị T2, ông Trần Văn T1 là người cao tuổi, hoàn cảnh khó khăn có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Từ các nhận định trên xét thấy kháng cáo của ông Trần Văn L không có căn cứ nên không được chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí phúc thẩm: Ông Trần Văn L là người cao tuổi có đơn đề xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án;

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Trần Văn L; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2024/DS-ST ngày 17/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Trần Văn L. Trả lại cho ông L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0004085 ngày 30-9-2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- TAND huyện Trực Ninh
- VKSND tỉnh Nam Định;
- THADS huyện Trực Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Công**